TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Kim Oanh**
  Ông **Lê Xuân Sơn**

***Thư ký phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim Th**, sinh năm 1994. Có mặt
  Địa chỉ: Thôn 5, xã TL, huyện P, Thành phố Hà Nội.
- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Viết Q**, sinh năm 1990; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.
  Địa chỉ: Thôn 5, xã TL, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, nội dung vụ án như sau: Chị Nguyễn Thị Kim Th và anh Nguyễn Viết Q có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã TG (Nay là xã TL) vào ngày 22/02/2017. Sau khi kết hôn, chị Th về chung sống cùng gia đình anh Q tại Thôn 5, xã TG, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường với nhau được khoảng vài năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn và cố gắng hòa giải, hàn gắn cho vợ chồng chị nhiều lần nhưng không thay đổi được tình hình. Từ tháng 01/2020 đến nay, anh Q đi làm công trình xây dựng, thỉnh thoảng mới về, vợ chồng ít chung sống với nhau. Khi anh Q về thì tình trạng mâu

thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Từ tháng 7/2024 đến nay chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống tại xóm chợ M, xã TL, huyện P. Vợ chồng không còn quan tâm, hay liên lạc gì với nhau nữa. Anh Q thỉnh thoảng đến thăm con rồi lại về. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Anh Q cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Th1, sinh ngày 25/01/2019. Cháu đang sống cùng mẹ. Chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Th1 và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm công nhân may tại Công ty may Kh có địa chỉ ở xã TL, huyện P. Thu nhập trung bình của chị là 6.000.000đ/tháng. Chị được biết anh Q hiện nay là thợ hàn công trình, thu nhập trung bình mỗi tháng của anh Q khoảng từ 15.000.000đ trở lên. Anh Q đồng ý giao con cho chị Th nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuoi con theo mức 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q và đề nghị được nuôi cháu Th1, chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị theo mức 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th. Anh Q đồng ý giao cháu Th1 cho chị Th nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Th theo mức 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn anh Nguyễn Viết Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Th1, sinh ngày 25/01/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.000.0000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Th. Bị đơn là anh Nguyễn Viết Q có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 5, xã TL, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Th và anh Nguyễn Viết Q kết hôn do tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG (Nay là xã TL), huyện P vào ngày 22/02/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, chị Th và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh chị trình bày là do vợ chồng trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân nhau thời gian dài, cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn anh Nguyễn Viết Q.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Th1, sinh ngày 25/01/2019. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi cháu Th1 và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.000.000đ/tháng. Anh Q đồng ý.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Nguyện vọng được nuôi con của chị Th là nguyện vọng chính đáng. Chị Th có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Anh Q cũng đồng ý cho chị Th được nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng chị Th yêu cầu là 3.000.000đ/tháng. Vì vậy, HĐXX giao cháu Th1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th theo mức 3.000.000đ/tháng kể từ thời điểm ly hôn đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn anh Nguyễn Viết Q.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Th1, sinh ngày 25/01/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th theo mức 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Th và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013487 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Anh Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Kim Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Viết Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**